

Bản án số: **307/2022/HSST**

Ngày: 22/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, TP.HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lý Kế Hiền

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Phạm Thị Mai Anh.

2. Bà Đỗ Thị Liên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm:*** Bà Lưu Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 322/2022/HSST, ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2022/HSST ngày 07/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh Đ**, Sinh năm: 1998, Tên gọi khác: Không. Nơi thường trú: Số nhà 139 ngõ 2, Khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Ông Nguyễn Minh Đ SN: 1967, mẹ đẻ: Bà: Nguyễn Thị Minh H, SN: 1971. Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai. Chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 14/9/2022. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Triệu Văn H1**, Sinh năm: 1999. Tên gọi khác: Không. Nơi thường trú: Khu 4, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc:

Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 03/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Ông: Triệu Văn Q, SN: 1966, mẹ đẻ: Bà Lương Thị N, SN: 1976. Gia đình bị cáo có hai chị em, bị cáo là con thứ hai. Chưa có vợ, con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 06/9/2022. Hiện đang đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

1. Anh Trần Ngọc T, sinh năm: 2000;

HKTT: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu

2. Anh Vũ Văn L, sinh năm: 1999;

HKTT: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt anh T, anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ tháng 06/2022, Dương Thị H2 tự thành lập nhóm lấy tên Công ty TNHH thương mại và dịch vụ HD để môi giới việc làm, việc thành lập Công ty là do H2 tự nghĩ ra, không đăng ký với cơ quan chức năng. H2 thuê căn nhà số 5 khu tập thể xây lắp điện 1, đường Đ, phường M, Nam Từ Liêm, Hà Nội làm văn phòng hoạt động. H2 thuê nhóm 08 người làm việc trong đó có Nguyễn Minh Đ và Triệu Văn H1, đồng thời chỉ đạo người đăng tin lên mạng xã hội Facebook tìm người lao động có nhu cầu tìm việc làm và thông qua trang web “Chợ Tốt” để liên hệ với chủ các nhà hàng, quán ăn cần thuê người lao động để sắp xếp công việc phù hợp với từng người lao động. Tuy nhiên, H2 không ký hợp đồng lao động với những người này. Với mỗi người lao động được đi làm thành công thì nhóm của H2 sẽ được chủ thuê người lao động trả từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. H2 phân công Nguyễn Minh Đ và Triệu Văn H1 làm nhiệm vụ sắp xếp việc làm phù hợp, kết nối người lao động với chủ thuê để ký hợp đồng, nếu người lao động được đi làm thành công thì Đ và H sẽ được H2 trả thù lao số tiền 200.000 đồng/1 người lao động. Từ đầu tháng 07/2022 do H2 sắp sinh con nên đã giao lại toàn bộ việc quản lý nhóm tại văn phòng cho Nguyễn Minh Đ (là em họ của H2) điều hành.

Sau khi tìm hiểu thông tin tuyển dụng mà nhóm của H2 đăng trên mạng xã hội Facebook, khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 05/9/2022, anh Trần Ngọc T, anh Vũ Văn L và anh Triệu Viết L1 đến địa chỉ số nhà 5 khu tập thể xây lắp điện 1,

đường Đ, phường M, Nam Từ Liêm, Hà Nội để xin việc. Khi đến nơi, anh L1, anh L và anh T được hướng dẫn lên phòng làm việc tại tầng 3 gặp Nguyễn Minh Đ và Triệu Văn H1 để được sắp xếp công việc phù hợp. Tại đây, Đ yêu cầu anh T, anh L và anh L1 nộp căn cước công dân và mặc quần áo công ty để Đ chụp ảnh rồi gửi cho chủ thuê người lao động. Khoảng 30 phút sau, anh L1 đồng ý đi làm công việc do Đ sắp xếp; anh Toàn và anh Long không tin tưởng nên xin lại căn cước công dân để đi về nhưng Đ không đồng ý và yêu cầu anh Toàn, anh Long phải ngồi đợi trong phòng. Do muốn đi về nên anh Toàn tự ý ra khu vực bàn để căn cước công dân tìm và lấy lại căn cước công dân của mình nhưng vô tình làm rơi các căn cước công dân của những người khác xuống đất nên anh Toàn cúi xuống nhặt lên thì Đ đi đến túm cổ áo phía sau của anh Toàn ghì xuống và quát “Mày làm gì đấy, nhặt lên cho tao”, anh Toàn sợ hãi nói “em là sinh viên, em có làm gì đâu, xin anh cho em về” thì Đ kéo anh Toàn đứng lên rồi quát “Mày ngồi lên ghế nói chuyện cho đảng hoàng”. Anh Toàn sợ bị Đ đánh nên ra ghế ngồi đợi theo yêu cầu của Đ. Thấy vậy H nói “Loại như mày tao gặp cả trăm thằng rồi, tí xong việc tao xử lý đến mày”. Nghe H và Đ đe dọa, anh Long và anh Toàn sợ bị đánh nên không dám bỏ về, tiếp tục ngồi đợi trong phòng. Ngay sau đó, Đ nhắn tin cho H với nội dung “giữ chúng nó lại cho đi làm hết” mục đích chỉ đạo H giúp sức cùng Đ giữ anh Long và anh Toàn ở lại trong phòng để Đ sắp xếp công việc nhằm hưởng lợi tiền môi giới việc làm. Hiểu được mục đích đó của Đ nên H nhắn tin trả lời “ok anh”. Khoảng 5 phút sau, anh Long xin H cho đi vệ sinh, H đồng ý nhưng đi cùng cùng Long ra nhà vệ sinh để giám sát không cho anh Long trốn về được. Sau khi anh Long đi vệ sinh xong, H lại đưa anh Long trở về phòng và tiếp tục giữ lại để chờ sắp xếp công việc. Trong lúc H đưa anh Long ra ngoài đi vệ sinh, Đ ngồi trong phòng làm hợp đồng cho anh L1, lợi dụng lúc Đ không để ý, anh Toàn đã lén lấy điện thoại để trong túi quần nhắn tin nhờ bạn là anh Nguyễn Tuấn Đ báo công an về việc đang bị giữ lại trái ý muốn. Ngay sau đó, H đưa Long vào phòng thì phát hiện ra Toàn đang sử dụng điện thoại di động, sợ Toàn liên hệ tìm công việc khác hoặc gọi người nhà đến đón nên H đe dọa “cất điện thoại vào túi không tao đập điện thoại bây giờ”, anh Toàn sợ hãi cất điện thoại đi và tiếp tục xin H cho về nhưng H không đồng ý và quát “ngồi yên đấy”. Đến 17 giờ 30 phút ngày 05/09/2022, sau khi nhận được tin báo của anh Nguyễn Tuấn Đ, Công an phường M đã đến xác minh, lập biên bản quả tang và đưa Đ, H cùng những người liên quan về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen gắn sim số 0345603131 (thu giữ của

Đ);

+ 01 điện thoại Samsung Galaxy J4+ màu nâu lắp sim số 0981090514 và sim số 0964476342; 01 sim số 0974893793 (thu giữ của H).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Minh Đ và Triệu Văn H1 đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của Đ và H phù hợp khách quan với lời khai của bị hại, người liên quan và người chứng kiến cùng những tài liệu chứng cứ thu thập được.

Quá trình điều tra xác định, thời điểm xảy ra sự việc Dương Thị H2 đã về quê nghỉ sinh, giao quyền điều hành và quản lý công việc lại cho Đ. H2 không chỉ đạo, không biết việc Đ và H có hành vi giữ anh Long và anh Toàn trong phòng tầng 3 căn nhà số 5 khu tập thể xây lắp điện 1, đường Đ, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc Dương Thị H2 thuê nhóm người làm công việc môi giới việc làm, lấy tên Công ty TNHH thương mại và dịch vụ HD để hoạt động, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội xác định: Không có thông tin Công ty TNHH thương mại và dịch vụ HD do Dương Thị H2 làm Giám đốc đăng ký kinh doanh trong cơ sở dữ liệu quốc gia. H2 khai: nhận tự thành lập nhóm và lấy tên công ty như trên, không đăng ký kinh doanh và hoạt động theo quy định. Cơ quan điều tra đã có công văn gửi Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm để xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Cáo trạng số 324/CT-VKS ngày 29/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ và bị cáo Triệu Văn H1 về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội được ở với gia đình và xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm đ, Khoản 2, Điều 157, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án, xử phạt bị cáo Triệu Văn

H1 từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tòa tuyên án. Giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục.

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen gắn sim số 0345603131, 01 điện thoại Samsung Galaxy J4 màu nâu lắp sim số 0981090514 và sim số 0964476342; 01 sim số 0974893793.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những các bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Ngày 05/9/2022, tại phòng làm việc trên tầng 03 số nhà 5 khu tập thể xây lắp điện 1, đường Đ, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Nguyễn Minh Đ và Triệu Văn H1 đã có hành vi đe dọa, giữ anh Trần Ngọc T và anh Vũ Văn L trái ý muốn trong khoảng thời gian từ 15h30' đến 17h30', mục đích để sắp xếp công việc cho anh Toàn và anh Long để được hưởng tiền hoa hồng môi giới việc làm.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo bị cáo Nguyễn Minh Đ và bị cáo Triệu Văn H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Giữ người trái pháp luật*" theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do của con người, của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an cho những người lao động đang đi xin việc làm. Bị cáo Đ, bị cáo H đồng phạm giản đơn, có vai trò ngang nhau. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, nhận thức được hành vi giữ người khác là trái luật nhưng vẫn thực hiện.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai

báo, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo Đ, bị cáo H. Hội đồng xét xử thấy cần mở lượng khoan hồng cho các bị cáo cơ hội làm lại sau lầm lỡ, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự giáo dục cải tạo hoàn lương, bị cáo Đ, bị cáo H được cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, có ích trong xã hội. Giao bị cáo Đ cho UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo H cho UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không

[6] Về xử lý vật chứng: Các bị cáo sử dụng điện thoại làm phương tiện phạm tội do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen gắn sim số 0345603131, 01 điện thoại Samsung Galaxy J4 màu nâu lắp sim số 0981090514 và sim số 0964476342; 01 sim số 0974893793.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Đ từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án, xử phạt bị cáo Triệu Văn H1 từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tòa tuyên án. Giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm đ Khoản 2 Điều 157, Điểm s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 65, của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh Đ, bị cáo Triệu Văn H1 phạm tội: “*Giữ người trái pháp luật*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Đ 30(*Ba mươi*) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng (*Sáu mươi*) kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Đ cho UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Văn H1 30(*Ba mươi*) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng (*Sáu mươi*) kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Đ cho UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điểm a Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về dân sự: Không

Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone XS Max màu đen có lắp 01 sim; số Imei: 357261097635665. 01 điện thoại Samsung Galaxy J4+ màu nâu lắp 02 sim; số Imei1: 352987104260460, Imei2: 352988104260468. Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm theo Biên bản giao vật chứng số 62 ngày 29/11/2022.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người liên quan;
- TT lý lịch-Sở tư pháp Hà Nội;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm
- VKSND thành phố Hà Nội
- TAND thành phố Hà Nội
- Công an quận Nam Từ Liêm
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Lưu HS-VP

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Kế Hiền